TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

2. Bà Phan Thị Bé Sáu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Nhàn, là Thư ký của Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L (Phạm Thị Thu L), sinh năm 1975 *(có mặt)*
Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2018, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 08/8/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh T quen biết, tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới sống chung với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 07/5/2001 (theo giấy chứng nhận kết hôn bản chính số 12, quyển số 01, ngày 07/5/2001 của Ủy ban nhân dân xã P). Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc được một thời gian đến tháng 11 năm 2003 thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, gia đình hai bên cũng có hàn gắn tình cảm cho anh, chị nhưng không được nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh

sống, chị và anh T cũng đã ly thân từ năm 2003 đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh T cũng không liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, nêu yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Thị Minh T sinh ngày 31/10/2002, con hiện nay sống với anh T. Khi ly hôn chị L đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T không có tài sản chung và cũng không thiếu nợ.

- Tại đơn xin vắng mặt các lần giải quyết công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử ngày 03/8/2018 anh Nguyễn Văn T trình bày: Vào năm 2000 anh và chị L được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 07/5/2001. Sau khi kết hôn anh, chị sống rất hạnh phúc với nhau được một thời gian đến khoảng tháng 11/2003 thì phát sinh mâu thuẩn vợ chồng do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên anh, chị thường xuyên cãi nhau và mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, tiếp tục sống chung không hạnh phúc, anh, chị cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được và đã sống ly thân từ năm 2003 đến nay nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Thị Minh T sinh ngày 31/10/2002, con hiện nay đang sống với anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống anh và chị L không có tài sản chung và cũng không thiếu nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn cư trú tại địa bàn ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn anh, chị sống rất hạnh phúc với nhau được một thời gian đến khoảng tháng 11/2003 thì

phát sinh mâu thuẩn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên anh, chị thường xuyên cãi nhau và mâu thuẩn ngày càng trậm trọng và anh, chị sống ly thân từ năm 2003 đến nay.

Xét thấy, chị L và anh T tiếp tục sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung:

Tại phiên tòa, chị L trình bày trong thời gian vợ chồng sống chung có 01 người con tên Nguyễn Thị Minh T sinh ngày 31/10/2002, con hiện nay sống với anh T. Khi ly hôn chị L đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con. Anh T vắng mặt nhưng có văn bản ý kiến yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, sự thỏa thuận nuôi con của anh, chị không trái pháp luật. Mặt khác, tại bản khai ngày 08/8/2018 cháu Nguyễn Thị Minh T có nguyện vọng sống với anh T, nên chấp nhận giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T trình bày không có tài sản chung và cũng không thiếu nợ nên không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, anh T vắng mặt, xét thấy anh T đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị L (Phạm Thị Thu L) đối với anh Nguyễn Văn T (theo giấy chứng nhận kết hôn bản chính số 12, quyển số 01, ngày 07/5/2001 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh T sinh ngày 31/10/2002 (cháu T hiện nay đang sống với anh T) cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị L (Phạm Thị Thu L) không cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Phạm Thị L (Phạm Thị Thu L) trong việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Phạm Thị L (Phạm Thị Thu L) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BG/2015 0003583 ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, chị L đã nộp đủ án phí

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

" *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hứa Quang Thông